

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 9 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI BÁC SĨ NỘI TRÚ ĐƯỢC MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ  
TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025**

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
1	713001	Trần Nhật	Anh	20/01/2001	Gia Lai	Giải phẫu bệnh	Nữ	Chăm	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
2	713002	Nguyễn Phạm Bảo	Châu	25/09/2001	Sóc Trăng	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
3	713003	Trần Phương	Hà	16/10/2001	Kiên Giang	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	6,5	Chứng chỉ Việt Nam	Học viện Báo chí Tuyên truyền
4	713004	Lưu Gia	Hân	31/07/2001	Kiên Giang	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
5	713005	Tạ Thị	Hoa	05/06/2001	Hà Tây	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	166	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Aptis ESOL International Certificate)
6	713006	Nguyễn Huy	Hoàng	04/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Giải phẫu bệnh	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
7	713007	Nguyễn Đậu Thanh	Lâm	19/11/2001	Đắk Lắk	Giải phẫu bệnh	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
8	713008	Nguyễn Thị Kim	Linh	25/05/2000	An Giang	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
9	713009	Nguyễn Hồ Khánh	Linh	02/02/2001	Đắk Lắk	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
10	713010	Nguyễn Kỳ Tuệ	Mẫn	02/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
11	713011	Trần Nguyễn Kiều	Như	09/7/1999	Hậu Giang	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
12	713012	Phạm Trần Nhật	Quang	17/01/2001	Sóc Trăng	Giải phẫu bệnh	Nam	Hoa	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
13	713013	Bùi Thị Phương	Thảo	26/10/2001	Lâm Đồng	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
14	713014	Ngô Quang	Thiên	16/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Giải phẫu bệnh	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
15	713015	Hoàng Minh	Thư	19/08/2001	Ninh Thuận	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
16	713016	Nguyễn Xuân Hoài	Thương	09/08/2001	Đắk Lắk	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
17	713017	Đoàn Hải	Trần	13/12/2001	Trà Vinh	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
18	713018	Nguyễn Thanh	Tùng	14/01/2001	Thừa Thiên Huế	Giải phẫu bệnh	Nam	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
19	713019	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	18/02/2001	Đồng Tháp	Giải phẫu bệnh	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
20	717013	Phạm Phùng Nhật	Anh	16/08/2001	Bến Tre	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
21	717035	Trần Phương	Châu	14/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Hoa	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
22	717037	Dư Quỳnh	Chi	02/08/2001	Nghệ An	Hệ nội	Nữ	Kinh	62	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Pháp (CIEP/Alliance française)
23	717039	Nguyễn Thị Phương	Chi	03/04/2001	Thừa Thiên Huế	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
24	717047	Nguyễn Tấn	Đạt	16/12/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	6,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sài Gòn
25	717078	Phùng Lê Khánh	Hà	01/11/2001	Bình Phước	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
26	717118	Nguyễn Hữu	Huy	27/11/2001	Đà Nẵng	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
27	717136	Huỳnh Thị Vân	Khánh	11/12/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
28	717137	Nguyễn Bảo	Khánh	21/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
29	717143	Phan Anh	Khoa	27/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
30	717165	Lê Khánh	Linh	15/02/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
31	717199	Tiêu Bảo	Muội	01/01/2000	Cà Mau	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
32	717218	Lê Minh	Ngọc	01/08/2001	Thừa Thiên Huế	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
33	717223	Trần Thiện	Ngọc	02/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
34	717224	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	01/01/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
35	717237	Đỗ Thị Ngọc	Nhi	06/12/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
36	717242	Nguyễn Trịnh Tiểu	Nhiên	19/08/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
37	717278	Nguyễn Phương	Quỳnh	25/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
38	717295	Phạm Võ Mộc	Thanh	23/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
39	717331	Thái Thị Thủy	Tiên	19/08/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
40	717352	Phan Thị Quỳnh	Trang	16/10/2001	Đắk Lắk	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
41	717355	Lê	Triết	03/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
42	717012	Nguyễn Thái Hoàng	Anh	31/07/2001	Tây Ninh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
43	717014	Phạm Quang	Anh	03/04/2001	Hà Nội	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
44	717020	Lai Thiên	Bằng	17/01/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
45	717049	Phan Tiến	Đạt	14/11/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
46	717055	Nguyễn Minh	Đức	17/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
47	717061	Lê Phương Hải	Dương	11/09/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
48	717070	Trần Vinh	Duy	15/06/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
49	717076	Nguyễn Phương	Giao	01/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
50	717087	Vương Ngọc Minh	Hạnh	05/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
51	717097	Tạ Minh	Hiếu	13/04/2001	Bắc Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Hà Nội
52	717110	Nguyễn Thị Hoài	Hương	23/10/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
53	717112	Bùi Quang	Huy	26/11/2001	Bình Thuận	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
54	717127	Châu Hoàng	Khang	21/06/2001	Vĩnh Long	Hệ nội	Nam	Hoa	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
55	717156	Phan Hoàng Thiên	Kim	08/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
56	717160	Đông Lưu Hồng	Lam	12/10/2000	Ninh Thuận	Hệ nội	Nữ	Chăm	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
57	717180	Nguyễn Thị Thanh	Mai	15/05/2001	Tây Ninh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
58	717181	Phan Thị Trúc	Mai	02/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
59	717190	Lê Nguyễn Uyên	Minh	03/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	8.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
60	717219	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	14/09/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
61	717220	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngọc	10/02/2001	Bến Tre	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
62	717244	Võ Thị Quỳnh	Như	10/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
63	717254	Bùi Hiệp	Phong	02/07/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
64	717259	Nguyễn Trịnh Hoàng	Phúc	10/11/2000	Khánh Hòa	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
65	717262	Bùi Thị Mỹ	Phương	03/12/2001	Kon Tum	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
66	717272	Ngô Trung	Quốc	17/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
67	717286	Nguyễn Phan Bảo	Tâm	09/11/2001	Bình Định	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
68	717300	Trần Ngọc Hoàng	Thành	30/11/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
69	717301	Huỳnh Hồ Thanh	Thảo	09/12/2001	An Giang	Hệ nội	Nữ	Hoa	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
70	717305	Nguyễn Đức	Thịnh	03/04/2000	Quảng Bình	Hệ nội	Nam	Kinh	166	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Cambridge Assessment English)
71	717322	Phùng Thân	Thương	01/04/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
72	717329	Lê Phạm Thủy	Tiên	15/10/2001	Bình Định	Hệ nội	Nữ	Kinh	630	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (TOEFL ITP)
73	717337	Võ Thành	Tô	11/08/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
74	717341	Lê Kim Bảo	Trâm	13/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
75	717348	Trần Nguyễn Quế	Trần	30/08/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
76	717349	Văn Thị Thanh	Trần	07/04/2001	An Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
77	717350	Huỳnh Lê Phương	Trang	02/10/2001	Bình Định	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
78	717379	Lâm Tường	Vy	24/06/2001	Cà Mau	Hệ nội	Nữ	Hoa	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
79	717388	Phạm Hoàng	Yên	15/09/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
80	717023	Nguyễn Hồng	Bảo	24/12/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
81	717029	Nguyễn Sỹ Duy	Bình	03/02/2001	Đồng Nai	Hệ nội	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
82	717030	Lê Tấn	Cầm	22/01/2001	Bình Định	Hệ nội	Nam	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
83	717041	Tạ Minh	Cơ	23/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Hoa	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
84	717062	Đoàn Hoàng	Duy	27/08/2001	Long An	Hệ nội	Nam	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Nam Cần Thơ
85	717063	Huỳnh Hải	Duy	28/11/2001	Cà Mau	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
86	717067	Phạm Huỳnh Khánh	Duy	22/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	8.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
87	717106	Huỳnh Cẩm	Hồng	20/08/2001	Vĩnh Long	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
88	717107	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	04/10/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Nữ	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
89	717117	Nguyễn Hoàng	Huy	28/08/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Nam Cần Thơ
90	717125	Phan Ngọc Khánh	Huyền	07/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
91	717128	Nguyễn Thiện	Khang	21/05/2001	Bình Thuận	Hệ nội	Nam	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
92	717168	Nguyễn Ngọc Thảo	Linh	03/01/2001	Kiên Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
93	717174	Hoàng Văn	Lộc	15/11/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
94	717176	Phan Văn Tấn	Luân	02/01/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
95	717177	Nguyễn Đình Minh	Lực	11/06/2001	Kiên Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
96	717183	Lê Minh	Mẫn	19/10/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
97	717196	Trương Hoàng Nhật	Minh	26/05/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
98	717198	Trần Hoài	Mộng	10/06/2001	Kiên Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
99	717234	Trịnh Hoài	Nhân	28/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
100	717264	Nguyễn Hoàng	Phương	22/01/1999	Quảng Nam	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
101	717273	Nguyễn Đình	Quốc	13/08/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
102	717276	Bùi Tú	Quỳnh	02/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
103	717306	Trần Hữu Phú	Thịnh	27/02/2000	Cần Thơ	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
104	717324	Huỳnh Phạm Thanh	Thủy	25/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
105	717001	Nguyễn Trần Bảo	An	24/09/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
106	717058	Bùi Võ Kiều	Dung	27/01/1999	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
107	717099	Hồ Nguyễn Nhật	Hồ	02/05/2001	Long An	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
108	717101	Trần Ngọc Khải	Hoàn	12/09/2001	Bình Phước	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
109	717126	Nguyễn Diễm	Huỳnh	13/10/2001	Cà Mau	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
110	717144	Trần Đăng	Khoa	09/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
111	717194	Nguyễn Ngọc	Minh	24/03/2001	Phú Yên	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
112	717266	Phạm Ngọc Nam	Phuong	12/06/2000	Vĩnh Long	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
113	717267	Trần Võ Toàn	Phuong	17/12/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
114	717268	Triệu Phan Thế	Phuong	09/07/2001	Đắk Lắk	Hệ nội	Nam	Dao	6.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
115	717269	Hoàng Minh	Quang	26/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
116	717275	Nguyễn Quảng	Quyên	05/01/2000	Ninh Thuận	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
117	717297	Trần Nguyễn Ngọc	Thanh	01/01/2001	Vĩnh Long	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
118	717364	Phông Lê Cẩm	Tú	15/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Hoa	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
119	717289	Trần Đình	Tân	29/09/2001	Nghệ An	Hệ nội	Nam	Kinh	4	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
120	717293	Nguyễn Minh	Thanh	06/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
121	717317	Trần Minh	Thư	19/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
122	717005	Trần Thanh	An	25/10/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
123	717017	Trương Minh	Anh	21/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
124	717044	Hoàng Quốc	Đạt	25/06/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nam	Kinh	181	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Cambridge Assessment English)
125	717048	Nguyễn Thành	Đạt	18/07/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
126	717051	Nguyễn Lê Hồng	Diệp	17/07/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
127	717073	Trần Thị Cẩm	Duyên	29/01/2001	Hậu Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
128	717088	Nguyễn Anh	Hào	30/09/2000	Vĩnh Long	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
129	717094	Phan Ngọc Hải	Hiền	07/11/2001	Phú Yên	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
130	717102	Đặng Việt	Hoàng	10/09/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
131	717141	Trần Lê Kim	Khánh	24/02/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
132	717150	Nguyễn An	Khương	15/07/2001	An Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
133	717167	Nguyễn Hoàng Diệu	Linh	12/04/2001	Kon Tum	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
134	717179	Lê Thanh	Mai	15/11/2000	Cà Mau	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
135	717182	Trần Thị Tuyết	Mai	25/11/1999	Hà Nam	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
136	717186	Hà Bảo	Minh	17/05/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
137	717191	Lê Thành Nam Hải	Minh	10/09/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Nam	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
138	717201	Lê Trần Kiều	My	14/04/2001	Khánh Hòa	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
139	717211	Nguyễn Hải	Nghi	08/01/2001	Bạc Liêu	Hệ nội	Nữ	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
140	717212	Nguyễn Lê Gia	Nghi	11/10/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nữ	Kinh	164	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Cambridge Assessment English)
141	717217	Nguyễn Thị Hoài	Ngoan	02/02/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
142	717247	Nguyễn Quang	Nhật	15/11/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
143	717260	Vưu Kim	Phụng	29/11/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Nữ	Hoa	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
144	717261	Phan Hữu	Phước	21/01/2001	Bến Tre	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
145	717265	Phạm Mỹ	Phuong	25/02/2001	Đà Nẵng	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
146	717274	Phạm Phú	Quốc	12/08/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
147	717282	Hoàng Lê Xuân	Sinh	24/10/2001	Khánh Hòa	Hệ nội	Nam	Kinh	Bậc 3	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
148	717294	Phạm Huỳnh	Thanh	30/01/2001	An Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Nam Cần Thơ
149	717308	Nguyễn Tuấn	Thọ	12/06/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sài Gòn
150	717320	Trần Vĩnh	Thuận	28/07/2001	An Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
151	717360	Nguyễn Thanh	Trúc	24/11/2001	Bến Tre	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
152	717368	Lê Minh	Tuệ	08/02/2001	Đồng Nai	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
153	717380	Nguyễn Ngọc	Vy	01/10/2001	An Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
154	717382	Trang Thiên Ngọc	Vy	06/10/2001	Bình Dương	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
155	717002	Phan Trọng	An	25/12/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Nam	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
156	717008	Hồ Thúc Phương	Anh	25/04/2001	Khánh Hòa	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
157	717009	Lê	Anh	28/03/2000	Tây Ninh	Hệ nội	Nữ	Kinh	161	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Cambridge Assessment English)
158	717022	Lý Huỳnh Gia	Bảo	30/11/2001	Cà Mau	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
159	717025	Trương Gia	Bảo	10/12/2001	An Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
160	717027	Bùi Khánh	Bình	09/12/2001	Khánh Hòa	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
161	717031	Nguyễn Thị Tiểu	Cầm	13/10/2000	Tây Ninh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
162	717033	Huỳnh Phước	Châu	14/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	5,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
163	717042	Lê Hoàng Hải	Đăng	05/09/2001	An Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
164	717043	Phạm Thị Ngọc	Đào	04/03/2001	An Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
165	717045	Lê Tấn	Đạt	04/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
166	717046	Ngô Chí	Đạt	16/02/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nam	Hoa	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
167	717056	Võ Xuân	Đức	01/05/2001	Bình Thuận	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
168	717065	Nguyễn Bảo	Duy	14/09/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
169	717066	Nguyễn Hồ Bảo	Duy	29/01/2001	Kiên Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Nam Cần Thơ
170	717072	Nguyễn Anh	Duyên	10/01/2000	Nghệ An	Hệ nội	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
171	717074	Phan Phạm Kỳ	Duyên	10/07/2001	Trà Vinh	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
172	717075	Bùi Nhật	Giang	21/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	B2	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
173	717081	Nguyễn Ngọc Quế	Hân	08/01/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
174	717084	Danh Thị Diễm	Hằng	08/12/2001	Kiên Giang	Hệ nội	Nữ	Khmer	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
175	717086	Nguyễn Hồng	Hạnh	07/11/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
176	717090	Nguyễn Phúc	Hậu	08/11/2001	Tây Ninh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
177	717092	Đỗ Minh	Hiên	02/04/2001	An Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
178	717095	Trần Nguyễn Thúy	Hiên	21/06/2001	Bến Tre	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
179	717096	Ngô Đăng Phước	Hiên	19/07/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
180	717103	Hà Vũ	Hoàng	03/12/2001	Bắc Kạn	Hệ nội	Nam	Tày	77	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Pháp (CIEP/Alliance française)

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
181	717104	Phạm Huy	Hoàng	13/06/2001	Đồng Nai	Hệ nội	Nam	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
182	717115	Lưu Quốc	Huy	23/07/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
183	717129	Phùng Nguyễn Duy	Khang	10/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
184	717135	Dương Quốc	Khánh	30/08/2001	Bình Định	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
185	717152	Nguyễn Việt	Kiên	18/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
186	717159	Lê Cao	Kỳ	12/03/2001	Kiên Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
187	717163	Huỳnh Bảo	Lân	26/03/2001	Bến Tre	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
188	717169	Nguyễn Thị Phương	Linh	12/7/2000	Đắk Lắk	Hệ nội	Nữ	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
189	717173	Đình Nguyễn Kiều	Loan	07/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
190	717185	Dương Nhật	Minh	30/09/2001	An Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
191	717188	Lê Hoàng Ngọc	Minh	21/09/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
192	717192	Lê Việt	Minh	10/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
193	717195	Tô Huỳnh Nhật	Minh	01/11/2000	Cần Thơ	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
194	717202	Nguyễn Huỳnh Kiều	My	12/09/2001	Cà Mau	Hệ nội	Nữ	Kinh	8.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
195	717205	Đỗ Nhật	Nam	19/12/2001	Đồng Nai	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
196	717214	Nguyễn Trần Trúc	Nghi	15/11/2001	Kiên Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
197	717215	Huỳnh Bá	Nghĩa	13/06/2001	Quảng Nam	Hệ nội	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
198	717222	Trần Thị Minh	Ngọc	14/08/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
199	717227	Lâm Bửu	Nguyệt	29/10/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
200	717233	Trần Văn	Nhân	26/03/2000	Quảng Nam	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
201	717235	Trương Ngọc Trung	Nhân	19/04/2001	Bạc Liêu	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
202	717245	Nguyễn Cẩm	Nhung	08/03/2001	An Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
203	717250	Hồ Kiên	Phát	13/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	710	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng)
204	717257	Nguyễn Hoàng Thiên	Phú	21/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
205	717263	Lâm Huệ	Phương	06/10/2000	Trà Vinh	Hệ nội	Nữ	Khmer	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
206	717270	Nguyễn Vinh	Quang	27/07/2001	An Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
207	717271	Nguyễn Vũ Nhật	Quang	12/10/2001	Ninh Thuận	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
208	717283	Võ Thanh	Son	26/06/2001	Cà Mau	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
209	717287	Nguyễn Duy	Tân	08/02/2001	Bến Tre	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
210	717292	Huỳnh Lan	Thanh	19/10/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
211	717299	Phan Việt	Thành	27/01/2001	Bình Thuận	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
212	717302	Huỳnh Trọng	Thật	21/11/2001	Kiên Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
213	717303	Thái Trần Trung	Thiên	24/11/2001	Sóc Trăng	Hệ nội	Nam	Hoa	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
214	717309	Lê Trần Minh	Thoa	02/06/2000	Bình Định	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
215	717312	Dương Anh	Thư	14/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
216	717334	Trần Nguyễn Nhất	Tin	27/07/2001	Bình Thuận	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
217	717335	Huỳnh Trung	Tinh	25/05/2000	An Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
218	717340	Đỗ Hà Ngọc	Trâm	1/10/2001	Bình Dương	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
219	717347	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	21/01/2001	Vĩnh Long	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
220	717357	Võ Đăng	Trình	11/06/2001	Sài Gòn	Hệ nội	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Nam Cần Thơ
221	717358	Cao Vũ	Trọng	15/10/2001	Bến Tre	Hệ nội	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
222	717359	Hồ Ngọc Thanh	Trúc	16/08/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
223	717362	Vạn Việt	Trường	01/11/2001	Ninh Thuận	Hệ nội	Nam	Chăm	6.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
224	717366	Huỳnh Anh	Tuấn	21/09/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
225	717367	Ngô Đắc	Tuấn	08/03/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
226	717370	Ngô Ngọc	Tuyền	19/10/2001	Khánh Hòa	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
227	717372	Lê Cao Phương	Uyên	03/12/1997	Tây Ninh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
228	717376	Nguyễn Thị Thanh	Vân	02/05/2001	Khánh Hòa	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
229	717377	Hồ Văn	Viên	05/10/1992	Quảng Trị	Hệ nội	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
230	717378	Nguyễn Trần Anh	Vũ	28/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
231	717007	Hồ Phương	Anh	14/01/2001	Bến Tre	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
232	717024	Trần Thiên	Bảo	20/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
233	717064	Nguyễn Bảo	Duy	21/01/2001	Bến Tre	Hệ nội	Nam	Kinh	Bạc 3	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
234	717068	Trần Khánh	Duy	07/08/2001	Bạc Liêu	Hệ nội	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
235	717082	Võ Ngọc Bảo	Hân	14/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
236	717116	Nguyễn Gia	Huy	30/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
237	717120	Phạm Gia	Huy	20/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
238	717139	Nguyễn Gia	Khánh	06/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
239	717140	Nguyễn Mai Quốc	Khánh	02/09/2001	Bình Dương	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
240	717146	Võ Anh	Khoa	22/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
241	717148	Tô Minh	Khôi	07/12/2001	Cà Mau	Hệ nội	Nam	Hoa	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
242	717149	Ngô Mạnh	Khương	06/01/2001	Kiên Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
243	717157	Trần Hoàng	Kim	09/11/2001	Sóc Trăng	Hệ nội	Nữ	Hoa	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
244	717158	Võ Thị Thiên	Kim	13/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
245	717164	Vũ Ngọc Kỳ	Lân	11/06/2001	Đồng Nai	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
246	717175	Chung Thiên	Long	15/11/2001	An Giang	Hệ nội	Nam	Hoa	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
247	717207	Nguyễn Hoàng	Ngân	04/10/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
248	717241	Võ Trần Tuyết	Nhi	10/03/2001	Bạc Liêu	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
249	717248	Nguyễn Đỗ Hoàng	Oanh	20/01/2001	An Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
250	717281	Trương Nguyễn Thúy	Quỳnh	15/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
251	717296	Phan Ngọc Thái	Thanh	29/08/2001	Đà Nẵng	Hệ nội	Nữ	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
252	717315	Nguyễn Thị Anh	Thư	04/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
253	717319	Trần Thái	Thuận	24/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Hoa	6.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
254	717351	Nguyễn Thị Minh	Trang	14/11/2000	Đắk Lắk	Hệ nội	Nữ	Nùng	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
255	717356	Bé Thị Thùy	Trinh	23/12/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Nữ	Tày	B2	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
256	717010	Lê Hoàng	Anh	03/01/2001	Bình Phước	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
257	717015	Trần Minh	Anh	20/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
258	717016	Trần Ngọc Vân	Anh	03/11/2000	Đồng Nai	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
259	717018	Vũ Hoàng	Anh	28/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
260	717034	Lê Nguyễn Bảo	Châu	03/11/2001	Khánh Hòa	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
261	717059	Trần Thị Thùy	Dung	13/08/2001	Bình Dương	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
262	717077	Đinh Thị Ngọc	Hà	18/09/2000	Đà Nẵng	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
263	717079	Đinh Thế	Hải	23/03/2001	Vĩnh Long	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
264	717083	Võ Thị Thu	Hân	15/11/2001	Bạc Liêu	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
265	717089	Bùi Đức	Hậu	21/04/2001	Đắk Lắk	Hệ nội	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
266	717098	Nguyễn Gia	Hiệu	10/09/1999	Bình Định	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
267	717108	Nguyễn Thị Thu	Hồng	04/10/2000	Gia Lai	Hệ nội	Nữ	Kinh	145	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Cambridge Assessment English)
268	717111	Phạm Ngọc Lan	Hương	30/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
269	717114	Lưu Gia	Huy	31/03/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
270	717121	Trần Ngọc Bảo	Huy	07/05/2001	Bạc Liêu	Hệ nội	Nam	Kinh	B2	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
271	717123	Đinh Thị	Huyền	22/06/1999	Thanh Hóa	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
272	717124	Hồ Thị Ngọc	Huyền	25/04/2000	Đồng Nai	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
273	717134	Nguyễn Thị Tú	Khanh	30/11/2000	Bình Thuận	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
274	717138	Nguyễn Chí	Khánh	19/12/2001	Bạc Liêu	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
275	717142	Trần Duy	Khiêm	11/10/2001	Tây Ninh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
276	717151	Nguyễn Văn	Khuyến	18/08/2001	Bến Tre	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
277	717153	Lương Tuấn	Kiệt	03/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
278	717166	Lênh Khánh	Linh	10/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Hoa	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
279	717172	Vũ Bá	Lĩnh	21/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
280	717184	Dương Minh	Minh	08/12/2000	Phú Yên	Hệ nội	Nữ	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
281	717200	Đặng Thị Trà	My	13/10/2001	Quảng Nam	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
282	717204	Trần Thị Diễm	My	14/04/2001	Kiên Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
283	717208	Trần Ngọc	Ngân	29/03/2001	Bạc Liêu	Hệ nội	Nữ	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
284	717209	Trần Ngọc Mỹ	Ngân	20/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
285	717213	Nguyễn Phạm Hoàng	Nghi	10/07/2001	An Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	Bậc 4	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
286	717216	Phạm Thị	Nghĩa	17/01/2001	Bến Tre	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
287	717228	Bùi Trọng	Nhân	25/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
288	717229	Hồ Thiện	Nhân	01/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	8.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
289	717231	Nguyễn Thanh	Nhân	21/09/2001	Cà Mau	Hệ nội	Nam	Kinh	Bậc 3	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
290	717238	Huỳnh Trần Linh	Nhi	09/08/2001	Sóc Trăng	Hệ nội	Nữ	Hoa	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
291	717239	Nguyễn Trà Uyên	Nhi	26/09/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
292	717240	Trương Lê Bảo	Nhi	22/08/2001	Quảng Nam	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
293	717243	Phan Trần Yên	Như	16/05/2000	Đồng Nai	Hệ nội	Nữ	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
294	717249	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	03/10/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
295	717251	Hồ Tấn	Phát	14/09/2001	Đắk Lắk	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
296	717252	Huỳnh Văn	Phát	19/05/2001	Tây Ninh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
297	717258	Hồ Thị Kiều	Phúc	19/05/2001	Đắk Nông	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
298	717280	Tạ Đỗ Diễm	Quỳnh	25/09/2001	Nam Định	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
299	717284	Phạm Tấn	Tài	11/07/2000	Tiền Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
300	717288	Phạm Duy	Tân	31/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
301	717304	Trần Thanh	Thiện	05/07/2001	Bình Thuận	Hệ nội	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
302	717310	Huỳnh Thị Xuân	Thu	11/10/2001	Bình Thuận	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
303	717314	Nguyễn Anh	Thư	23/01/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
304	717321	Trần Lê Hạnh	Thục	14/07/2001	Quảng Trị	Hệ nội	Nữ	Kinh	B2	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
305	717327	Trần Thị Thu	Thúy	24/07/2000	Đồng Nai	Hệ nội	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
306	717336	Bùi Đỗ Ngọc	Tinh	06/08/2001	Bình Thuận	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
307	717343	Trần Ngọc	Trâm	28/11/2001	An Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
308	717344	Võ Thị Ngọc	Trâm	23/09/2001	Trà Vinh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
309	717353	Đặng Cao	Trí	08/06/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
310	717361	Lương Xuân	Trưởng	26/10/2000	Đắk Nông	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Hà Nội
311	717369	Võ Mạnh	Tùng	03/01/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
312	717374	Phạm Thị Trang	Uyên	14/07/2001	Bình Phước	Hệ nội	Nữ	Kinh	7,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
313	717375	Tăng Thúy	Uyên	15/09/2000	Trà Vinh	Hệ nội	Nữ	Hoa	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
314	717384	Lê Ngọc Như	Ý	27/07/2001	An Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	B2	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Aptis ESOL International Certificate)
315	717385	Nguyễn Quốc Y	Ý	11/02/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nam	Kinh	6,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
316	717386	Nguyễn Thị Như	Ý	19/03/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
317	717387	Trần Thụy Ngọc Như	Ý	06/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
318	717004	Trần Phúc	An	24/06/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
319	717021	Trương Quang	Bảo	20/11/2001	Đắk Lắk	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
320	717028	Nguyễn Phú	Bình	09/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
321	717053	Đặng Ngọc	Đức	26/11/2001	Bình Phước	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
322	717069	Trần Lê Nhật	Duy	27/09/1999	Cà Mau	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
323	717080	Võ Hoàng Long	Hải	07/04/2001	Khánh Hòa	Hệ nội	Nam	Kinh	B2	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
324	717100	Dương Võ Trọng	Hoài	18/12/2001	Phú Yên	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
325	717113	Liêng Gia	Huy	14/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	8	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
326	717170	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	08/07/2000	Lâm Đồng	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
327	717187	Hồ Sỹ	Minh	19/03/2001	Đà Nẵng	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
328	717256	Lê Ngọc	Phú	17/02/2000	Khánh Hòa	Hệ nội	Nữ	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
329	717277	Huỳnh Ngọc Diễm	Quỳnh	21/07/2001	Đắk Nông	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
330	717291	Y	Thắng	04/03/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nam	Gia Rai	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
331	717326	Trần Thị Nguyệt	Thuỳ	24/10/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
332	717381	Trần Hoàng Phương	Vy	14/08/2001	Tây Ninh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
333	717036	Võ Ngọc Kim	Châu	30/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
334	717071	Trương Khả	Duy	04/04/2001	An Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	0-410-140-	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng)
335	717145	Trần Đăng	Khoa	22/07/2001	Cà Mau	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
336	717210	Trương Thanh	Ngân	14/08/2001	Bình Định	Hệ nội	Nữ	Kinh	8.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
337	717226	Nguyễn Anh	Nguyễn	04/04/2001	Đà Nẵng	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
338	717246	Nguyễn Minh	Nhật	10/10/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
339	717328	Huỳnh Thị Thủy	Tiên	20/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
340	717003	Thạch Trường	An	27/07/2001	Trà Vinh	Hệ nội	Nam	Khmer	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
341	717006	Dương Nguyễn Triệu	Anh	25/11/2001	Kiên Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
342	717011	Lê Như Hoàng	Anh	15/05/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
343	717019	Nguyễn Xuân	Bách	13/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
344	717026	Phùng Thị	Bích	22/11/2000	Lạng Sơn	Hệ nội	Nữ	Nùng	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
345	717032	Bùi Dương Gia	Cầm	02/08/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nữ	Kinh	Overall	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
346	717038	Nguyễn Thị Huyền	Chi	05/06/2001	Đắk Lắk	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
347	717040	Lê Đình	Chiến	31/08/2000	Ninh Thuận	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
348	717054	Lê Huỳnh	Đức	05/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
349	717093	Dương Thị Mỹ	Hiền	19/04/2001	Bạc Liêu	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
350	717105	Trần Huy	Hoàng	31/01/2001	An Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
351	717109	Lê Tân Hậu	Hưng	12/03/2001	Tây Ninh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
352	717122	Bùi Thanh	Huyền	02/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
353	717131	Trần Vĩ	Khang	02/02/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Nam	Kinh	5,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
354	717132	Vũ Duy	Khang	10/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
355	717147	Mai Nguyễn	Khôi	14/10/2001	Đồng Nai	Hệ nội	Nam	Kinh	8	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
356	717154	Tạ Tuấn	Kiệt	25/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
357	717155	Nguyễn Văn	Kiều	10/10/2000	Bình Định	Hệ nội	Nữ	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
358	717171	Phạm Thảo	Linh	09/08/2001	Khánh Hòa	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
359	717189	Lê Hữu	Minh	07/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	523	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (TOEFL ITP)
360	717193	Nguyễn Anh	Minh	13/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
361	717197	Võ Lê Duy	Minh	03/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
362	717230	Hồ Trọng	Nhân	14/12/2001	An Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
363	717253	Phạm Nguyên	Phi	07/01/2001	Khánh Hòa	Hệ nội	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
364	717255	Bùi Hiệp	Phú	02/07/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nam	Kinh	B2	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
365	717285	Lê Ngọc Minh	Tâm	02/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
366	717290	Nguyễn Hữu	Thắng	18/06/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nam	Kinh	6	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
367	717298	Đặng Hữu	Thành	05/10/2001	Vĩnh Long	Hệ nội	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Nam Cần Thơ
368	717311	Bùi Thị Ngọc	Thư	18/05/2000	Quảng Ngãi	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
369	717316	Tôn Minh	Thư	11/10/2001	An Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	8.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
370	717318	Dương Thị Ý	Thư	19/08/2000	Đà Nẵng	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
371	717339	Phạm Đình Phúc	Toàn	23/10/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nam	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
372	717342	Nguyễn Thị Bích	Trâm	12/03/2001	Bình Dương	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
373	717345	Diệp Mỹ	Trần	22/08/2001	Trà Vinh	Hệ nội	Nữ	Hoa	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
374	717363	Lê Tuấn	Tú	26/02/2001	Bình Thuận	Hệ nội	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
375	717371	Hứa Việt Thu	Uyên	04/07/2001	Quảng Nam	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
376	717373	Lê Thị Thanh	Uyên	05/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
377	717052	Đình Công	Đình	12/08/2001	Tây Ninh	Hệ nội	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
378	717060	Đình Thị Thuý	Dương	29/11/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
379	717085	Lê Thị Hồng	Hạnh	22/05/2001	Đắk Lắk	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
380	717119	Nguyễn Trọng	Huy	20/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
381	717133	Lê Kim	Khanh	05/04/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
382	717162	Đặng Hương	Lan	25/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
383	717225	Lê Khôi	Nguyên	24/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
384	717236	Phan Minh	Nhật	08/12/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Nam Cần Thơ
385	717330	Lưu Nguyễn Cẩm	Tiên	29/04/2001	Tây Ninh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
386	717354	Huỳnh Văn	Trí	21/08/2001	Vĩnh Long	Hệ nội	Nam	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
387	717057	Âu Thị Phương	Dung	01/03/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Nữ	Hoa	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
388	717091	Phạm Quang Minh	Hiên	26/03/2001	An Giang	Hệ nội	Nữ	Kinh	Bậc 4	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
389	717178	Đào Thị Cẩm	Ly	20/07/1992	Đồng Nai	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
390	717203	Nguyễn Ngọc Trà	My	23/08/2001	Đồng Nai	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
391	717206	Hồ Ngọc Kim	Ngân	31/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
392	717221	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	10/11/2001	Đắk Lắk	Hệ nội	Nữ	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
393	717279	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	27/05/2001	Đắk Lắk	Hệ nội	Nữ	Kinh	148	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Cambridge Assessment English)
394	717307	Hồ Thị	Thọ	21/04/2001	Quảng Nam	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
395	717313	Huỳnh Minh	Thư	15/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
396	717323	Đông Ngọc Như	Thúy	05/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
397	717325	Nguyễn Thị Lê	Thùy	03/11/2001	Gia Lai	Hệ nội	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
398	717332	Trần Thị Mỹ	Tiên	27/10/2001	Long An	Hệ nội	Nữ	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
399	717333	Đỗ Thị	Tiên	09/04/2001	Bình Định	Hệ nội	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
400	717346	Nguyễn Cẩm	Trần	11/02/2000	Bình Định	Hệ nội	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
401	716001	Hồ Ngọc Thúy	Ái	16/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
402	716015	Hoàng Thị Phương	Anh	31/05/2001	Hà Tĩnh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
403	716020	Phùng Hoàng Quế	Anh	28/10/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
404	716023	Lê Thạc	Bách	13/02/2001	Khánh Hòa	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
405	716028	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	20/06/1999	Đồng Tháp	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
406	716029	Phạm Quốc	Bảo	17/02/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	B1	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
407	716033	Lê Văn	Cát	18/09/2001	Đồng Nai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
408	716034	Đàm Lê	Châu	10/06/2001	Quảng Bình	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
409	716054	Nguyễn Thùy	Dung	26/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
410	716058	Nguyễn Đình	Dũng	19/01/2001	Nghệ An	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
411	716075	Trần Thị Ngọc	Hân	28/05/2001	Lâm Đồng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
412	716081	Lê Chí	Hiếu	05/11/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
413	716096	Trương Thị Hồng	Hương	18/09/2001	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
414	716105	Lê Thị Thanh	Huyền	02/02/2000	Gia Lai	Hệ ngoại	Nữ	Mường	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
415	716111	Lê Anh	Khải	30/09/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
416	716130	Trương Ngọc	Lan	15/08/2001	Lâm Đồng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
417	716142	Nguyễn Hữu	Lợi	08/04/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
418	716148	Nguyễn Đoàn Phương	Mai	25/12/2001	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
419	716151	Nguyễn Thị Nguyệt	Minh	04/08/2001	Kon Tum	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
420	716157	Đoàn Nhật	Nam	15/10/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
421	716163	Đoàn Lê Thu	Nga	15/06/2001	Tây Ninh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
422	716177	Lê Hồng	Ngọc	10/04/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
423	716180	Trần Nguyễn Như	Ngọc	12/02/2001	Phú Yên	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
424	716192	Sử Trọng	Nhân	01/11/2001	Bạc Liêu	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
425	716195	Lê Tiến	Nhật	04/06/2001	Phú Yên	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
426	716201	Nguyễn Ngọc Khánh	Như	22/08/2001	Kon Tum	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
427	716205	Phạm Hồng	Nhung	07/06/2001	Cà Mau	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
428	716207	Phạm Trần Minh	Nhựt	26/12/2001	Tiền Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
429	716240	Nguyễn Đỗ	Quyên	08/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
430	716272	Trương Thanh	Thảo	31/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
431	716275	Đông Thụy Anh	Thi	20/09/2000	Thừa Thiên Huế	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	8	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
432	716284	Phan Nguyễn Minh	Thơ	20/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
433	716290	Trần Ngọc Minh	Thư	14/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
434	716314	Cao Thu	Trang	19/09/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
435	716319	Văn Phương	Trang	08/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
436	716320	Vũ Thị Huyền	Trang	23/02/2001	Hà Tĩnh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
437	716325	Đỗ Huy	Trọng	02/05/2001	Đồng Tháp	Hệ ngoại	Nam	Kinh	730-300	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng)
438	716330	Viên Quang	Trung	24/04/2001	Trà Vinh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
439	716341	Dương Thành	Tựu	13/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Hoa	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
440	716005	Nguyễn Thanh	An	06/01/2000	Quảng Nam	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
441	716014	Bùi Việt	Anh	14/08/2001	Hung Yên	Hệ ngoại	Nam	Kinh	63	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Pháp (CIEP/Alliance française)
442	716026	Liêu Gia	Bảo	07/11/2001	Cà Mau	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
443	716027	Nguyễn Gia	Bảo	29/08/2001	Kiên Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5,0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
444	716038	Nguyễn Thành	Công	16/06/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
445	716040	Nguyễn Tấn	Cường	06/03/2001	Bến Tre	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
446	716042	Võ Như	Cường	31/05/2000	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
447	716050	Hồng Tấn	Đạt	31/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Hoa	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
448	716061	Vũ Anh	Dũng	01/11/2001	Lâm Đồng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
449	716066	Đặng Ngô Nhật	Duy	28/10/2001	Cà Mau	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
450	716078	Dương Lê Hoàng	Hiệp	23/07/2001	Bến Tre	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
451	716084	Phạm Lê Trung	Hiếu	24/01/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
452	716088	Lưu Phạm Văn	Hoàng	25/12/2000	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
453	716089	Nguyễn Huy	Hoàng	06/08/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
454	716093	Phạm Xuân	Hưng	08/08/2001	Hải Dương	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Hà Nội
455	716118	Diệp Huỳnh Gia	Khiêm	23/05/2000	Tây Ninh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
456	716123	Nguyễn Vinh	Kiên	18/09/2001	Quảng Nam	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
457	716126	Mã Lâm Hồng	Kỳ	02/12/2001	Sóc Trăng	Hệ ngoại	Nam	Hoa	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Nam Cần Thơ
458	716150	Nguyễn Lê Tấn	Minh	08/10/2001	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
459	716159	Dương Võ Phương	Nam	29/05/2000	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
460	716160	Lâm Đại	Nam	14/05/2001	Hà Nội	Hệ ngoại	Nam	Kinh	8	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
461	716175	Hồ Nguyên	Ngọc	30/09/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
462	716185	Phạm Minh	Nguyên	21/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Hoa	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
463	716190	Đình Đức	Nhân	19/01/2001	Quảng Ninh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
464	716231	Lê Trần Hoàng	Quân	16/10/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
465	716233	Bùi Nguyễn Minh	Quang	13/04/2001	Quảng Trị	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
466	716251	Lê Văn	Tài	10/09/2001	Quảng Trị	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
467	716252	Võ Đỗ Công	Tài	17/05/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
468	716254	Nguyễn Văn	Tâm	14/12/2001	Nghệ An	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
469	716260	Nguyễn Ngọc	Tấn	13/12/1999	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
470	716267	Lê Minh	Thành	16/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
471	716269	Nguyễn Tiến	Thành	01/01/2001	Đồng Nai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
472	716276	Trần Hoàng Bá	Thị	29/09/2000	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
473	716279	Trần Huỳnh Minh	Thiện	13/03/2001	Cần Thơ	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
474	716305	Lê Trần Quốc	Toàn	10/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
475	716321	Trương Văn	Trạng	01/01/2001	Cần Thơ	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
476	716336	Trần Anh	Tuấn	26/03/2001	Quảng Trị	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
477	716342	Nguyễn Ngọc	Tỳ	07/03/2001	Tiền Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
478	716360	Trần Như	Ý	22/10/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
479	716011	Lê Tự	Ân	25/04/2001	Quảng Nam	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
480	716039	Dương Vĩ	Cường	21/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Hoa	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
481	716051	Nguyễn Huy	Đạt	10/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	B2	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
482	716053	Phạm Hồ Tấn	Đức	26/04/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
483	716074	Trần Đức	Hải	27/02/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
484	716079	Ngô Hoàng	Hiệp	21/03/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
485	716086	Nguyễn Xuân	Hoài	23/03/2001	Bạc Liêu	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
486	716090	Nguyễn Huy	Hoàng	11/10/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
487	716097	Huỳnh Phú	Hữu	21/11/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
488	716098	Hồ Anh	Huy	06/03/2001	Long An	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
489	716108	Nguyễn	Huỳnh	10/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
490	716117	Từ Ngọc Quốc	Khánh	02/09/2001	Bình Thuận	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
491	716144	Trịnh Quách	Long	19/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
492	716181	Nguyễn Phúc	Ngôn	21/02/2001	Bến Tre	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
493	716183	Nguyễn Đào Thuỳ	Nguyên	22/08/2001	Đồng Tháp	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
494	716186	Huỳnh Trọng	Nguyễn	06/05/2001	Bạc Liêu	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
495	716187	Phạm Thế	Nguyễn	31/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
496	716188	Lê Thanh	Nhàn	01/01/2000	Phú Yên	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
497	716213	Trần Nguyên	Phát	06/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
498	716217	Ngô Trường	Phú	28/10/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
499	716221	Huỳnh Hữu	Phúc	09/10/2001	Cần Thơ	Hệ ngoại	Nam	Kinh	8.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
500	716226	Kiều Anh	Phương	01/07/2001	Lâm Đồng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
501	716239	Huỳnh Thị Mỹ	Quyên	10/01/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
502	716250	Huỳnh Tú	Sương	25/10/2001	Bến Tre	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
503	716255	Trịnh Hoài	Tâm	07/10/2001	Bạc Liêu	Hệ ngoại	Nam	Hoa	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
504	716257	Lưu Hoàng Bá	Tân	23/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
505	716259	Trần Duy	Tân	14/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
506	716285	Nguyễn Trường	Thọ	08/03/2001	Tiền Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
507	716289	Thái Thị Khánh	Thư	02/04/2001	Quảng Trị	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	Bậc 3	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
508	716300	Lê Ngọc	Tiến	23/06/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
509	716328	Đặng Thành	Trung	17/01/2001	Đồng Nai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
510	716345	Nguyễn Triệu Nhật	Vân	26/06/2001	Đồng Nai	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
511	716354	Nguyễn Hoàng Nhật	Vy	18/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
512	716361	Hồ Thị Hải	Yến	14/11/2001	Bình Phước	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
513	716018	Nguyễn Thị Vân	Anh	20/03/2000	Đồng Tháp	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
514	716120	Tạ Gia	Khiêm	05/03/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
515	716136	Tạ Thị Thùy	Linh	30/08/2001	Hà Nội	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	60.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Pháp (CIEP/Alliance française)
516	716145	Võ Thành	Long	01/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
517	716147	Lý Nguyễn Hoàng	Mai	19/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
518	716149	Lê Ngọc	Mẫn	17/10/2001	Long An	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
519	716155	Nguyễn Thị Khánh	Mỹ	12/04/2001	Long An	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
520	716179	Nguyễn Võ Hồng	Ngọc	25/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
521	716206	Bùi Nguyễn Minh	Nhật	25/06/2001	Đồng Tháp	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
522	716210	Lê Tiến	Phát	17/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
523	716227	Phạm Đắc Quốc	Phương	23/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	172	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Aptis ESOL International Certificate)
524	716228	Vũ Ngô Uyên	Phương	22/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
525	716246	Nguyễn Anh	Sang	07/01/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Hà Nội
526	716296	Trần Thị Ngọc	Thúy	01/09/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
527	716352	Lưu Nguyễn Thuần	Vy	31/08/2001	Lâm Đồng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
528	716030	Trần Nguyễn Gia	Bảo	01/01/2001	Bình Dương	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
529	716060	Trần Hoàng	Dũng	06/10/2001	Phú Yên	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
530	716158	Dương Nhật	Nam	22/05/2001	Cần Thơ	Hệ ngoại	Nam	Kinh	8	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
531	716032	Tạ Sơn	Cảnh	10/12/2001	Ninh Bình	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
532	716041	Phạm Quốc	Cường	18/03/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
533	716063	Phan Thanh Đại	Dương	25/04/2001	Bến Tre	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
534	716091	Nguyễn Việt Huy	Hoàng	14/01/2001	Hải Dương	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
535	716109	Đình Phúc	Kha	12/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
536	716124	La Anh	Kiệt	20/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
537	716128	Lương Thanh	Lâm	22/08/2001	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
538	716140	Lê Văn	Lộc	04/09/1997	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
539	716161	Nguyễn Phan Hoài	Nam	19/08/2000	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
540	716212	Trần Minh	Phát	14/11/2001	Lâm Đồng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	8.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
541	716237	Nguyễn Bảo	Quốc	21/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
542	716238	Nguyễn Hữu Anh	Quốc	18/12/2001	Bình Phước	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Vinh
543	716247	Chu Tấn	Sơn	06/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
544	716265	Đỗ Xuân	Thành	11/06/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
545	716268	Lê Nhất	Thành	13/02/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	B2	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Aptis ESOL International Certificate)
546	716304	Đặng Quốc	Tình	14/06/2000	Bình Thuận	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
547	716306	Lê Quốc	Toàn	31/07/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
548	716326	Trương Minh	Trọng	05/02/2001	Tây Ninh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	Bậc 4	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
549	716337	Nguyễn Sơn	Tùng	11/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
550	716004	Nguyễn Phúc	An	03/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
551	716022	Bùi Thị Ngọc	Ánh	26/08/2001	Nam Định	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
552	716025	Lê Gia	Bảo	23/06/2000	Cần Thơ	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
553	716036	Lê Hoàng	Chuong	19/06/2001	Trà Vinh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
554	716037	Nguyễn Việt	Chuong	16/08/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
555	716044	Trần Thanh	Đân	01/01/2001	Quảng Trị	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
556	716046	Nguyễn Ngọc	Đặng	10/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
557	716049	Bùi Thành	Đạt	17/05/2001	Tây Ninh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
558	716057	Nguyễn Chí Trí	Dũng	08/08/2001	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
559	716076	Lê Minh	Hậu	19/01/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
560	716080	Nguyễn Phúc	Hiệp	04/09/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
561	716092	Lương Vĩnh	Hùng	07/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Hoa	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
562	716102	Trần Quốc	Huy	26/03/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
563	716104	Lê Thị Thanh	Huyền	16/04/2000	Gia Lai	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
564	716119	Lê Hữu	Khiêm	29/09/2001	Thừa Thiên Huế	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
565	716127	Cao Niên	Kỳ	20/12/2001	Khánh Hòa	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
566	716129	Võ Duy	Lâm	03/10/2001	Bình Dương	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
567	716135	Nguyễn Thị Hà	Linh	01/01/2001	Bình Thuận	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
568	716143	Nguyễn Đình	Long	16/01/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
569	716146	Lê Sen Thượng	Lũy	16/09/1999	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
570	716153	Nguyễn Thị Trà	My	20/02/2001	Lâm Đồng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
571	716169	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	21/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
572	716172	Cao Thị Uyên	Nghi	02/02/2001	Bến Tre	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
573	716174	Trần Kế	Nghiệp	06/05/2001	Tiền Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
574	716182	Lê Đức	Nguyên	15/06/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
575	716189	Đặng Văn	Nhân	24/02/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
576	716194	Hồ Nam Quý	Nhật	01/01/2001	Thừa Thiên Huế	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
577	716211	Trần Hoàng	Phát	04/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Hoa	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
578	716214	Bùi Quang	Phú	12/05/2001	Bình Phước	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
579	716218	Trần Duy	Phú	01/08/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
580	716219	Bùi Trọng Gia	Phúc	19/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	8	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
581	716224	Hồ Thị Mỹ	PhụNg	29/05/2001	Bến Tre	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
582	716235	Nguyễn Minh	Quang	07/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
583	716236	Phan Thanh	Quang	10/04/2001	Cần Thơ	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
584	716244	Hoàng Bá	Sang	25/03/2001	Đồng Nai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
585	716245	Lê Nguyễn Ngọc Minh	Sang	07/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
586	716248	Nguyễn Đắc	Son	05/05/2001	Nghệ An	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
587	716263	Bùi Trần Ngọc	Thanh	10/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
588	716273	Nguyễn Anh	Thế	10/04/2001	Đồng Nai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
589	716278	Bùi Ngọc	Thiện	25/01/2001	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
590	716281	Lê Quốc	Thịnh	06/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
591	716283	Trần Duy	Thịnh	17/10/2000	Tiền Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
592	716288	Nguyễn Thị Anh	Thư	17/12/2001	Tiền Giang	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
593	716292	Trần Bình	Thuận	14/10/2001	Bình Dương	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sài Gòn
594	716298	Nguyễn Phúc Vinh	Thụy	17/11/2001	Vĩnh Long	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
595	716309	Ngô Nguyễn Ngọc	Traii	24/02/2001	Phú Yên	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
596	716318	Nguyễn Thị Thùy	Trang	14/08/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
597	716332	Nguyễn An	Trường	02/09/2001	Kon Tum	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
598	716339	Phạm Thanh	Tùng	21/09/2001	Nam Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
599	716344	Nguyễn Hải	Vân	21/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
600	716348	Nguyễn Thế	Vinh	17/08/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
601	716356	Nguyễn Xuân Tường	Vy	15/12/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
602	716003	Nguyễn Phạm Thuý	An	27/02/2001	Bình Thuận	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
603	716013	Bùi Phạm Minh	Anh	04/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	R415 S160	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng)
604	716017	Nguyễn Ngọc	Anh	12/04/1999	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
605	716024	Doãn Lê Thế	Bảo	01/01/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
606	716031	Thái Hồng	Cầm	13/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sài Gòn
607	716043	Phạm	Đan	04/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
608	716045	Đỗ Nguyễn Minh	Đăng	02/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
609	716047	Hoàng Quang	Danh	26/3/2001	Khánh Hòa	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
610	716082	Lê Trung	Hiếu	06/01/2001	Tây Ninh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	; 430; 130;	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng)
611	716083	Lê Văn	Hiếu	03/12/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
612	716110	Lê Phan Hoàng	Kha	30/09/2001	Bến Tre	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
613	716114	Lâm Kim	Khánh	01/07/2001	Bình Dương	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
614	716116	Nguyễn Ngọc	Khánh	06/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
615	716162	Phạm Thành	Nam	04/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
616	716168	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	16/11/2001	Tiền Giang	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
617	716222	Lê Quang	Phúc	31/05/2001	Tiền Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
618	716234	Đào Anh	Quang	14/01/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
619	716270	Trương Văn	Thành	18/12/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	Bậc 3	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
620	716291	Huỳnh Minh	Thuận	18/03/2001	Sóc Trăng	Hệ ngoại	Nam	Hoa	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
621	716293	Vương Hòa	Thuận	07/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
622	716303	Trần Ngọc	Tiên	12/10/2001	Sóc Trăng	Hệ ngoại	Nữ	Khmer	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
623	716308	Nguyễn Thị Thảo	Trà	21/09/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
624	716350	Đình Viêt	Vũ	09/09/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
625	716357	Phan Thảo	Vy	10/02/2001	Sóc Trăng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Nam Cần Thơ
626	716359	Huỳnh Thị Như	Ý	13/09/2001	Cần Thơ	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
627	716002	Châu Ngọc Thúy	An	15/03/2001	Tiền Giang	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
628	716008	Trần Triệu Phước	An	26/06/2001	Sóc Trăng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
629	716009	Vũ Thị Bình	An	24/08/2001	Hải Dương	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
630	716021	Trịnh Minh	Anh	14/10/2000	Tây Ninh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
631	716048	Nguyễn Thành	Danh	03/09/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
632	716055	Trần Nguyễn Phương	Dung	17/12/2001	Quảng Nam	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
633	716056	Lê Xuân Anh	Dũng	03/10/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
634	716059	Tạ Mạnh	Dũng	21/01/2000	Phú Thọ	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4/6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Vinh
635	716062	Nguyễn Tấn	Dương	16/08/2001	Kiên Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
636	716064	Trần Tấn	Dương	10/03/2001	Vĩnh Long	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
637	716071	Võ Nhật Ái	Duyên	08/02/2001	Khánh Hòa	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
638	716087	Lê Thị Nhật	Hoàng	01/09/2001	Đồng Nai	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
639	716095	Phan Thị Thanh	Hương	07/06/2001	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
640	716100	Nguyễn Quang	Huy	19/06/1998	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
641	716106	Nguyễn Thị Thu	Huyền	16/08/2001	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
642	716107	Vũ Thanh	Huyền	18/03/2001	Lâm Đồng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
643	716113	Nguyễn Mai	Khanh	12/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
644	716125	Vương Nguyễn Hoàng	Kim	25/12/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
645	716132	Khổng Triều	Linh	13/08/2001	Cà Mau	Hệ ngoại	Nữ	Hoa	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
646	716134	Nguyễn Mạnh	Linh	13/01/2001	Kon Tum	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
647	716137	Trương Gia	Linh	07/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Hoa	5.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
648	716138	Trần Thị Bích	Loan	30/08/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
649	716139	Huỳnh Gia	Lộc	31/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
650	716141	Vương Tài	Lộc	20/01/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
651	716152	Trần Thị Ngọc	Minh	03/01/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	820 - 290	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng)
652	716165	Bùi Hồng Thiên	Ngân	15/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
653	716166	Nguy Lê Khánh	Ngân	15/08/2001	Cần Thơ	Hệ ngoại	Nữ	Hoa	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
654	716167	Nguyễn Bình Kim	Ngân	20/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
655	716171	Phạm Thị Thu	Ngân	12/12/2001	Long An	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
656	716176	Lê Hồ Hồng	Ngọc	30/06/2001	Cà Mau	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
657	716178	Nguyễn Phan Bảo	Ngọc	13/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
658	716191	Lê Trọng	Nhân	07/06/1999	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
659	716193	Nguyễn Hoàng	Nhất	15/12/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
660	716196	Châu Tú	Nhi	25/10/2001	Bạc Liêu	Hệ ngoại	Nữ	Hoa	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Nam Cần Thơ
661	716204	Lê Vũ Xuân	Nhung	16/01/2001	Khánh Hòa	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
662	716208	H' Vi	Niê	20/12/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nữ	Ê Đê	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
663	716223	Trần Văn	Phúc	28/07/2001	Cà Mau	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
664	716229	Đỗ Minh	Quân	22/08/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
665	716230	Lê Nhật	Quân	22/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	8	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
666	716242	Hoàng Khánh	Quỳnh	21/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	573	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (TOEFL ITP)
667	716253	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	31/05/2001	Tiền Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
668	716262	Nguyễn Đỗ Chiến	Thắng	03/05/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
669	716271	Ngô Thị Thu	Thảo	06/06/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
670	716274	Bùi Anh	Thi	10/11/1999	Bạc Liêu	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
671	716286	Lại Ngọc Khánh	Thư	16/08/2001	Đồng Tháp	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
672	716287	Lê Nhật Anh	Thư	12/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
673	716301	Ngô Chí	Tiến	05/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
674	716307	Nguyễn Thị Hương	Trà	08/09/2001	Bình Thuận	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
675	716315	Nguyễn Ngọc Đoàn	Trang	14/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
676	716317	Nguyễn Thị Huyền	Trang	31/01/2001	Hải Phòng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
677	716324	Danh Sĩ	Trình	09/08/2000	Kiên Giang	Hệ ngoại	Nam	Khmer	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
678	716327	Nguyễn Trần Nhã	Trúc	04/05/2001	Tây Ninh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	Bậc 4	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
679	716333	Lê Hữu	Truyền	19/05/2001	Phú Yên	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
680	716343	Lê Trần Phương	Uyên	02/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
681	716353	Ngô Tường	Vy	07/06/2001	Đồng Tháp	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Đồng Tháp
682	716012	Nguyễn Trâm Thiên	Ân	12/08/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
683	716016	Lê Đào Hoàng	Anh	27/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
684	716019	Phan Thị Vân	Anh	11/04/2000	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
685	716052	Đoàn Anh	Đức	25/04/2000	Thanh Hóa	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
686	716068	Nguyễn Lam	Duy	21/02/2001	Đồng Tháp	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
687	716069	Phạm Văn	Duy	21/03/2001	Hải Phòng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
688	716073	Lê Hương	Giang	30/01/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
689	716101	Phạm Nhật	Huy	14/05/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
690	716112	Lại Phương	Khanh	20/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
691	716121	Trần Lê Thiện	Khôi	30/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
692	716131	Hồng	Lê	29/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
693	716156	Trần Anh Mai	Na	13/08/2001	Phú Yên	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
694	716164	Nguyễn Phan Bảo	Ngà	13/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
695	716197	Huỳnh Yên	Nhi	01/11/2001	Tây Ninh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sài Gòn
696	716199	Nguyễn Thanh	Nhi	12/08/2001	Bình Phước	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
697	716202	Nguyễn Quỳnh	Như	28/01/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
698	716216	Huỳnh Tấn	Phú	30/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
699	716225	Đặng Quỳnh	Phương	07/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
700	716232	Trương Hoàng	Quân	19/02/2000	Đồng Nai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5-360-150-	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng)
701	716241	Tô Ngọc	Quyên	12/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Hoa	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
702	716249	Lê Thành	Sum	20/11/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
703	716258	Nguyễn Huy Nhật	Tân	03/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
704	716282	Ngô Phúc	Thịnh	11/05/2001	Long An	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
705	716297	Nguyễn Thị	Thùy	08/08/2001	Hà Nội	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
706	716299	Lê Thị Cẩm	Tiên	07/09/2001	Long An	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
707	716310	Hoàng Huyền	Trần	23/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	58	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Pháp (CIEP/Alliance française)
708	716313	Quảng Trương Nữ Huệ	Trần	31/07/2001	Ninh Thuận	Hệ ngoại	Nữ	Chăm	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
709	716316	Nguyễn Thị Đoan	Trang	24/02/2001	Lâm Đồng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
710	716329	Đỗ Quốc	Trung	21/12/2001	Phú Thọ	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
711	716334	Nguyễn Đức	Tuấn	22/12/2001	Lâm Đồng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
712	716335	Nguyễn Văn	Tuấn	24/07/2001	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
713	716338	Phạm Dương	Tùng	26/06/1999	Hà Nam	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
714	716347	Nguyễn Tường	Vân	17/05/2000	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Đại học Thái Nguyên
715	716358	Trần Thị Kim	Xuyến	25/08/2001	Quảng Nam	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
716	716006	Nguyễn Trường	An	15/03/2002	Nam Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	73	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Pháp (CIEP/Alliance française)
717	716007	Phan Quang	An	22/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
718	716010	Lê Hoàng Thiên	Ân	18/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
719	716035	Lê Thị Linh	Chi	15/11/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
720	716070	Trần Thị Mỹ	Duyên	20/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
721	716072	Hà Hoàng	Giang	16/05/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
722	716077	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	19/09/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
723	716085	Trần Thị Nguyên	Hiếu	14/09/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
724	716094	Đinh Thị Thu	Hương	04/09/2000	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
725	716099	Nguyễn Đức	Huy	10/08/2001	Cà Mau	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
726	716103	Dương Thị Bích	Huyền	16/10/2001	Bắc Giang	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	Bậc 4	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
727	716122	Nguyễn Văn	Kiên	11/11/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
728	716133	Nguyễn Lê Phương	Linh	24/10/2001	Bình Thuận	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
729	716154	Trần Phú	Mỹ	20/09/2001	Kiên Giang	Hệ ngoại	Nữ	Hoa	8.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
730	716170	Phạm Hồ Hoàng	Ngân	16/03/2000	Quảng Nam	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
731	716173	Phạm Nguyễn Đông	Nghi	05/10/2001	Đồng Nai	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
732	716184	Nguyễn Trà Hạnh	Nguyên	01/01/2001	Bình Thuận	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
733	716198	Nguyễn Hồ Yến	Nhi	25/11/1999	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
734	716203	Nguyễn Thị Bích	Như	14/08/2001	Phú Yên	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
735	716209	Lê Thị Hoàng	Oanh	16/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
736	716215	Châu Thiên	Phú	15/08/2000	Bạc Liêu	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
737	716220	Hồ Hữu	Phúc	02/05/2001	Bình Phước	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
738	716243	Phạm Mạnh	Quynh	15/10/2001	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
739	716256	Hồ Đắc Nhật	Tân	18/08/2001	Tiền Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	B2	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
740	716264	Đặng Huỳnh Lâm	Thanh	29/04/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Nữ	Thổ	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
741	716266	Hồ Văn	Thành	13/12/2001	Nghệ An	Hệ ngoại	Nam	Kinh	4,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
742	716280	Lê Long	Thịnh	29/09/2000	An Giang	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
743	716294	Phạm Hoài	Thương	02/04/2001	Bến Tre	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
744	716295	Hồ Thị	Thủy	08/12/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Vinh
745	716302	Từ Nhật	Tiến	07/10/2001	Cần Thơ	Hệ ngoại	Nam	Hoa	4.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
746	716311	Nguyễn Trần Bảo	Trần	02/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	Bậc 4	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
747	716312	Quách Quế	Trần	06/01/2001	Bạc Liêu	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
748	716322	Nguyễn Thành	Trí	18/11/2001	Đồng Nai	Hệ ngoại	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
749	716323	Trần Thị Thùy	Trinh	06/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
750	716340	Danh Thành	Tươi	09/08/2000	Kiên Giang	Hệ ngoại	Nam	Khmer	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
751	716346	Phan Thị Thảo	Vân	24/5/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
752	716349	Đào Nguyễn Nguyên	Vũ	29/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
753	716351	Lê Tiến	Vũ	19/08/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nam	Kinh	Bậc 3	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
754	716355	Nguyễn Thị Ái	Vy	1/6/2001	Bình Định	Hệ ngoại	Nữ	Kinh	6,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
755	757001	Đoàn Thùy	An	15/02/2001	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
756	757002	Nguyễn Hữu Trường	An	13/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
757	757003	Phạm Văn	An	06/06/2001	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
758	757004	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	23/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
759	757005	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	15/09/2001	Khánh Hòa	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
760	757006	Lê Ngọc	Bảo	11/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
761	757007	Đỗ Trọng	Bin	17/05/2000	Gia Lai	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
762	757008	Huỳnh Thùy Băng	Châu	22/09/2001	Tây Ninh	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
763	757009	Nguyễn Thái Duy	Châu	13/04/2001	Gia Lai	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	B2	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
764	757010	Đình Bùi Bảo	Chung	29/05/2001	Kon Tum	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
765	757011	Nguyễn Văn	Chung	13/08/2001	Thanh Hóa	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
766	757012	Phan Đặng Khánh	Đan	17/04/2001	Quảng Nam	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
767	757014	Kha Trường	Đạt	15/07/2001	Trà Vinh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Hoa	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
768	757015	Vũ Văn	Đình	05/05/2001	Nam Định	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
769	757016	Nguyễn Văn	Đình	20/08/2001	Quảng Nam	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
770	757017	Lê Nguyên	Dung	24/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
771	757018	Nguyễn Tấn	Dũng	31/05/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
772	757019	Hồ Vinh	Duy	08/01/2001	Cần Thơ	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
773	757020	Nguyễn Mỹ	Duyên	02/01/2001	Bạc Liêu	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
774	757021	Đặng Trần Hà	Giang	12/08/2001	Kon Tum	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
775	757022	Ngô Thế	Hải	18/11/2000	Tuyên Quang	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Dao	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Phenikaa
776	757023	Trần Thị Mỹ	Hạnh	06/08/2001	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
777	757024	Đặng Trần Ngọc	Hiền	14/10/2001	Khánh Hòa	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
778	757025	Nguyễn Minh	Hiếu	04/04/2001	Trà Vinh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Trà Vinh
779	757026	Nông Văn	Hoà	10/10/2001	Đắk Lắk	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Nùng	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
780	757027	Trần Quang	Huy	11/5/2001	Cần Thơ	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
781	757028	Mai	Khanh	03/08/2001	Đắk Lắk	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
782	757029	Nguyễn Vinh	Khiêm	23/11/2001	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	B1	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
783	757030	Trần Việt	Khoa	22/07/2001	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
784	757031	Nguyễn Minh	Khôi	30/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
785	757032	Nguyễn Văn	Khôi	24/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
786	757033	Vũ Hoàng	Khôi	24/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
787	757034	Nguyễn Thụy	Khuê	15/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
788	757035	Nguyễn Nhật	Linh	20/06/1998	Gia Lai	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
789	757036	Trần Diệp Vinh	Lộc	10/02/2001	Bến Tre	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Nam Cần Thơ
790	757037	Nguyễn Gia	Lợi	13/09/2001	Trà Vinh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
791	757038	Nguyễn Thế	Long	13/04/2001	Tiền Giang	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	8.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
792	757039	Võ Ngọc Anh	Minh	24/12/2001	Thừa Thiên Huế	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
793	757040	Võ Văn	Minh	21/03/2001	Quảng Trị	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
794	757041	Lương Văn	Nam	19/03/2001	Nam Định	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
795	757042	Nguyễn Lê	Ngân	19/09/2001	Đắk Lắk	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
796	757043	Lê Đại	Nghĩa	26/01/2001	Quảng Nam	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
797	757044	Phạm Trung	Nghĩa	29/09/2001	Hải Phòng	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Hà Nội
798	757045	Tô Bảo	Ngọc	01/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Hoa	B2	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
799	757046	Bùi Hoàng Khôi	Nguyên	11/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	7,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
800	757047	Nguyễn Trần Đình	Nguyên	11/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
801	757048	Phan Thị Thanh	Nhàn	05/11/2001	Thừa Thiên Huế	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	8.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
802	757049	Đoàn Phan Chí	Nhân	11/12/1999	Cần Thơ	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
803	757051	Nguyễn Anh	Nhất	01/08/2001	Quảng Ngãi	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
804	757052	Trương Bùi Ái	Nhi	27/11/2001	Bình Định	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
805	757053	Nguyễn Quỳnh	Như	07/09/2001	Quảng Nam	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
806	757054	Đào Minh	Phú	23/07/2001	Bình Phước	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
807	757055	Lương Công Hoàng	Phú	07/08/2001	Ninh Thuận	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
808	757056	Nguyễn Xuân	Phú	01/02/2001	Khánh Hòa	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
809	757057	Nguyễn Xuân	Phước	01/02/2001	Khánh Hòa	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
810	757058	Lê Song Như	Quỳnh	07/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
811	757059	Bùi Quang Thái	Son	17/11/2001	Bình Định	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
812	757060	Trần Thị Như	Tâm	27/06/2001	Cà Mau	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
813	757061	Đỗ Thị Hồng	Thắm	21/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
814	757062	Dương Quốc	Thành	02/10/2001	Đà Nẵng	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
815	757063	Hoàng Nguyễn Nhất	Thi	16/02/2001	An Giang	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (IELTS Test Report Form)
816	757064	Nguyễn Trần Anh	Thi	24/03/2001	Tây Ninh	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
817	757065	Lê Bá	Thịnh	14/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
818	757066	Đoàn Thị Anh	Thư	25/08/2001	Quảng Ngãi	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
819	757067	Vũ Thị Như	Thùy	18/02/2001	Đắk Lắk	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
820	757068	Nguyễn Minh Hoàng	Thy	09/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
821	757069	Nguyễn Thị Kim	Thy	16/10/2001	Bình Dương	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
822	757070	Nguyễn Thanh	Tín	03/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Tây Nguyên
823	757071	Lê Ngọc Minh	Trang	01/02/2001	Tây Ninh	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	Bậc 4	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
824	757072	Nguyễn Hà Phương	Trang	06/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
825	757073	Lê Ngọc Vân	Trinh	28/03/2001	Quảng Ngãi	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Tiếng Anh (VSTEP)
826	757074	Lâm Kỳ	Trung	30/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Hoa	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
827	757075	Dương Mạnh	Tuấn	15/06/2001	Phú Yên	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
828	757076	Trần Minh	Tuấn	10/04/2001	Đồng Nai	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
829	757077	Lê Anh	Tùng	23/04/2001	Đồng Nai	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
830	757078	Trương Ngọc	Tuyền	15/03/2001	Cần Thơ	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
831	757080	Dương Thế	Vinh	07/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt.	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
832	757081	Trần Ngọc Thảo	Vy	11/02/2001	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt.	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
833	772001	Lê Khánh Phương	An	04/09/2001	Bình Thuận	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
834	772002	Đoàn Thị Phương	Anh	03/04/2001	Tây Ninh	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
835	772003	Trần Thị Ngọc	Anh	01/12/2001	Đồng Nai	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
836	772004	Vũ Trần Minh	Anh	28/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	288	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Trung (Hanyu Shuiping Kaoshi - HSK)
837	772005	Doãn Phạm Ngọc	Ánh	10/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
838	772006	Doãn Thị Ngọc	Ánh	03/04/2001	Lâm Đồng	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
839	772007	Ngô Xuân	Bách	13/07/2001	Thanh Hóa	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
840	772008	Đình Quang	Đại	15/10/2001	Bến Tre	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	259	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Trung (Hanyu Shuiping Kaoshi - HSK)
841	772009	Nguyễn Trần Tiến	Đạt	08/06/2001	An Giang	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	245	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Trung (Hanyu Shuiping Kaoshi - HSK)
842	772010	Phan Văn	Đức	09/04/2001	Hung Yên	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	247	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Trung (Hanyu Shuiping Kaoshi - HSK)
843	772011	Vũ Thị Mỹ	Dung	11/08/2001	Lâm Đồng	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
844	772012	Nguyễn Trí	Dũng	11/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
845	772013	Đình Mỹ	Duyên	30/10/2001	Ninh Thuận	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
846	772014	Lê Nguyễn Hồng	Hân	15/06/2001	Vĩnh Long	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
847	772015	Phan Nguyễn Quỳnh	Hương	05/04/2001	Đồng Nai	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	290	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Trung (Hanyu Shuiping Kaoshi - HSK)
848	772016	Lê Hoàng Gia	Huy	24/09/2001	Bình Thuận	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	294	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Trung (Hanyu Shuiping Kaoshi - HSK)
849	772017	Hồ Hoàng	Khôi	04/05/2001	Kiên Giang	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
850	772018	Nguyễn Tuấn	Kiệt	14/05/2001	Tiền Giang	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
851	772019	Võ Đặng	Linh	02/04/2001	Bạc Liêu	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ
852	772020	Nguyễn Quang	Minh	20/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	6,5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
853	772021	Phạm Nguyễn Khánh	Ngân	02/06/2001	Long An	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	292/300	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Trung (Hanyu Shuiping Kaoshi - HSK)
854	772022	Nguyễn Thành	Nhân	25/04/2001	Kiên Giang	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
855	772023	Trần Nguyễn Minh	Nhật	6/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	7.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
856	772024	Đỗ Huỳnh	Như	06/06/2001	An Giang	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
857	772025	Tô Phan Tấn	Phát	12/02/2001	Quảng Ngãi	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
858	772026	Nguyễn Kim	Phụng	03/09/2001	Đồng Tháp	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	6.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
859	772027	Lê Thị Đông	Phương	24/11/2001	An Giang	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
860	772028	Nguyễn Trúc	Phương	21/03/2001	Tây Ninh	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	149/200	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Aptis ESOL International Certificate)
861	772029	Lê Đức	Quang	23/09/1998	Kiên Giang	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	141	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Aptis ESOL International Certificate)
862	772030	Nguyễn Linh	Quang	20/06/2001	Đắk Nông	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	134	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Aptis ESOL International Certificate)
863	772031	Phạm Ngọc Như	Quỳnh	11/09/2001	Bình Thuận	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	4.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
864	772032	La Chí	Thanh	21/12/2001	Bình Phước	Y học cổ truyền.	Nữ	Hoa	293	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Trung (Hanyu Shuiping Kaoshi - HSK)
865	772033	Nguyễn Ngọc Như	Thảo	30/10/2001	Vĩnh Long	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	132/200	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Anh (Aptis ESOL International Certificate)

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Giới	Dân tộc	Điểm	Ngoại ngữ được miễn	Trường cấp chứng chỉ
866	772035	Nguyễn Hồ Trường	Thịnh	11/08/2001	Đồng Tháp	Y học cổ truyền.	Nam	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
867	772036	Mai Nhật Anh	Thư	02/10/2000	Khánh Hòa	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	7.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
868	772037	Trần Nhật	Thúy	28/06/2001	An Giang	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
869	772038	Võ Thị Diễm	Thúy	13/03/2001	Bến Tre	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
870	772040	Nguyễn Thị Hải	Tiên	17/06/2001	Quảng Ngãi	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	5.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
871	772041	Nguyễn Thị Huyền	Trân	15/06/2001	Ninh Thuận	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	284	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Trung (Hanyu Shuiping Kaoshi - HSK)
872	772042	Nguyễn Thị	Trang	30/05/2001	Đà Nẵng	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	279	Chứng chỉ Quốc tế	Tiếng Trung (Hanyu Shuiping Kaoshi - HSK)
873	772043	Nguyễn Phan Thanh	Vân	04/02/2001	Lâm Đồng	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	5.0	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang
874	772044	Huỳnh Lâm Tường	Vy	15/09/2001	Long An	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	7	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
875	772045	Dương Trần Mỹ	Ý	04/04/2001	Quảng Nam	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
876	772046	Nguyễn Hải	Yến	28/01/2001	Kiên Giang	Y học cổ truyền.	Nữ	Kinh	6.5	Chứng chỉ Việt Nam	Trường Đại học Văn Lang

*Ấn định danh sách có 876 (tám trăm bảy mươi sáu) thí sinh.*

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH**

**Ngô Quốc Đạt  
HIỆU TRƯỞNG**